

NGHỊ QUYẾT

Cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 1186/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đề nghị thông qua Nghị quyết cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2021, với tổng số vốn là 2.565.699 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu: 672.482 triệu đồng.
2. Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 1.581.467 triệu đồng, bao gồm:
 - a) Nguồn trong cân đối ngân sách: 571.467 triệu đồng.
 - b) Nguồn xổ số kiến thiết: 810.000 triệu đồng.
 - c) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200.000 triệu đồng (trong đó: bố trí cho các dự án: 50.000 triệu đồng; bố trí ghi thu, ghi chi: 150.000 triệu đồng).
3. Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia: 101.150 triệu đồng.
4. Vốn ODA: 210.600 triệu đồng.

(Đính kèm Danh mục chi tiết)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2020./. *vt*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT *vt*



Huỳnh Thanh Tạo



Biểu mẫu số 34

TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự kiến Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025			Nhu cầu kế hoạch năm 2021			Dự kiến kế hoạch năm 2021			Ghi chú	
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước		
1	Vốn NSNN	11.014.252	7.525.669	3.488.583	5.060.868	4.660.407	400.461	2.565.699	2.355.099	210.600		
	Trong đó:	7.525.669	7.525.669	-	4.660.407	4.660.407	-	2.355.099	2.355.099	-		
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	4.843.674	4.843.674	-	3.312.000	3.312.000	-	1.581.467	1.581.467	-		
	Trong đó:											
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	180.000	180.000		200.000	200.000		200.000	200.000			
	Trong đó:											
	+ Phân bổ vốn theo dự án											
	+ Vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng đất											
	- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	2.708.141	2.708.141		1.492.000	1.492.000		571.467	571.467			
	- Xổ số kiến thiết	1.955.533	1.955.533		1.620.000	1.620.000		810.000	810.000			
	- Bội chi ngân sách địa phương											
b)	Vốn ngân sách Trung ương	2.681.995	2.681.995	-	1.348.407	1.348.407	-	773.632	773.632	-		
-	Vốn hỗ trợ đầu tư các chương trình mục tiêu từ NSTW	2.244.372	2.244.372		1.146.107	1.146.107		672.482	672.482			
-	Vốn hỗ trợ đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia từ NSTW	437.623	437.623		202.300	202.300		101.150	101.150			
2	Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	3.488.583		3.488.583	400.461		400.461	210.600		210.600		



Biểu mẫu số 35a

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

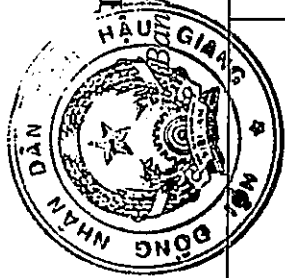
STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2021				Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		
	TỔNG SỐ			2.851.298	2.767.298	2.244.372	2.244.372	78.447	1.146.107	1.146.107	78.447	672.482	672.482	78.447		
A	Thu hồi các khoản ứng trước			120.000	110.000	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			120.000	110.000	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			120.000	110.000	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	78.447	
1	Cổng Hậu Giang 3, huyện Long Mỹ	2017-2019	218/QĐ-UBND, 07/02/2017	80.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	
2	Nạo vét kênh Rạch, huyện Châu Thành A và huyện Vị Thủy	2016-2017	219/QĐ-UBND, 07/02/2017	40.000	40.000	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	8.447	
B	Thực hiện dự án			2.731.298	2.657.298	2.165.925	2.165.925	-	1.067.660	1.067.660	-	594.035	594.035	-	-	
I	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng			1.889.215	1.835.215	1.501.476	1.501.476	-	796.060	796.060	-	412.435	412.435	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2021			1.251.566	1.197.566	873.560	873.560	-	616.060	616.060	-	380.000	380.000	-	-	
	Dự án nhóm B			1.251.566	1.197.566	873.560	873.560	-	616.060	616.060	-	380.000	380.000	-	-	
1	Đường tỉnh 931 (đoạn từ xã Vĩnh Viễn đến đường Vĩ Thanh - Cấn Thơ)	2017-2024	1961/QĐ-UBND, 31/10/2016, 2108/QĐ-UBND, 30/10/2017	400.000	400.000	200.000	200.000		200.000			100.000	100.000			



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch năm 2021			Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Tổng số	Trong đó	Tổng số	
2	Khu hành chính huyện Long Mỹ	2020-2024	1910/QĐ-UBND 31/10/2019	317.566	317.566	236.060	236.060		236.060	236.060		100.000	100.000		
3	Đường ô tô về trung tâm xã Phú Hữu	2020-2023		167.000	150.000	136.000	136.000		60.000	60.000		60.000	60.000		
4	Đường ô tô về trung tâm xã Phú Tân	2020-2023		178.000	160.000	146.000	146.000		60.000	60.000		60.000	60.000		
5	Đường ô tô về trung tâm xã Vĩnh Viễn A	2020-2023		189.000	170.000	155.500	155.500		60.000	60.000		60.000	60.000		
	Dự án khởi công mới năm 2021			637.649	637.649	627.916	627.916	-	180.000	180.000	-	32.435	32.435	-	
	Dự án nhóm B			637.649	637.649	627.916	627.916	-	180.000	180.000	-	32.435	32.435	-	
I	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 927 (đoạn từ xã Phương Bình đến thị trấn Cây Dương)	2021-2024		97.333	97.333	87.600	87.600		40.000	40.000		32.435	32.435		Đã được quyết định chủ trương đầu tư
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư			260.000	240.000	82.366	82.366	-	52.366	52.366	-	22.366	22.366	-	
	Dự án dự kiến thành lập và bàn giao đất vào sử dụng năm 2021			200.000	180.000	22.366	22.366	-	22.366	22.366	-	22.366	22.366	-	
	Dự án nhóm B			200.000	180.000	22.366	22.366	-	22.366	22.366	-	22.366	22.366	-	
I	Hệ thống đê bao ngăn mặn Long Mỹ - Vĩ Thanh giai đoạn 2	2018-2022	1802/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	200.000	180.000	22.366	22.366		22.366	22.366		22.366	22.366		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2021				Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: vốn NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	
III	Chương trình phát triển giáo dục			402.083	402.083	402.083	402.083	-	159.234	159.234	-	159.234	159.234	-		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			402.083	402.083	402.083	402.083	-	159.234	159.234	-	159.234	159.234	-		
	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			402.083	402.083	402.083	402.083	-	159.234	159.234	-	159.234	159.234	-		
	Dự án nhóm B			402.083	402.083	402.083	402.083	-	159.234	159.234	-	159.234	159.234	-		
1	Dự án trang thiết bị giáo dục thực hiện thay sách đổi mới chương trình sách giáo khoa năm 2021-2024	2021-2024		402.083	402.083	402.083	402.083		159.234	159.234		159.234	159.234			





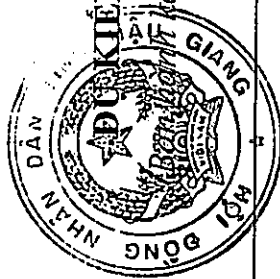
Biểu mẫu số 35b

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhu cầu kế hoạch năm 2021						Dự kiến kế hoạch năm 2021						Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP							
			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:						
				Trong cân đối	XSKT			Tiền sử dụng đất	Trong cân đối	XSKT	Tiền sử dụng đất			
	TỔNG SỐ	3.162.000	3.162.000	1.342.000	1.620.000	200.000	1.581.467	571.467	810.000	200.000				
I	Trả nợ vay và các khoản theo quy định	68.894	68.894	68.894			68.894	68.894						
II	Vốn thực hiện dự án	3.093.106	3.093.106	1.273.106	1.620.000	200.000	1.512.573	502.573	810.000	200.000				



BIỂU 35c

ĐUỔI KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

lên kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhu cầu kế hoạch năm 2021			Dự kiến kế hoạch năm 2021			Ghi chú		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CTMTQG		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn CTMTQG				
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
I	2				22	23	24	25	26	
	TỔNG SỐ	202.300	202.300		101.150	101.150				
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	17.900	17.900	-	8.950	8.950	-	-		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	184.400	184.400	-	92.200	92.200	-	-		



Biểu mẫu số 42

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

TT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư										Nhu cầu kế hoạch năm 2021										Dự kiến kế hoạch năm 2021										Đơn vị: Triệu đồng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Trong đó:					Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
					Trong đó: vốn ...	Trong đó: tính bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽³⁾					Trong đó: Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Đưa vào cân đối	Vay lại	Tổng số			Đưa vào cân đối	Vay lại	Tổng số	Đưa vào cân đối	Vay lại																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
							Trong đó: vốn ...	Trong đó: tính bằng nguyên tệ	Tổng số																Đưa vào cân đối	Vay lại																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
I	2	7	8	9	10	11	12	13	14																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

Đơn vị: Triệu đồng